

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2017

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: SN 13/01/199, đường B, tổ 01, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn Q, sinh năm 1964

Nơi ĐKKHKT: tổ 05, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại Đội 23, phân trại số 01, trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình.

(Bà L, ông Q có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày ngày

14/8/1991. Sau khi chung sống vợ chồng bà đã chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q không quan tâm chăm sóc đến gia đình, một mình bà phải chăm sóc các con khôn lớn. Đến năm 2010, ông Q đã bỏ nhà đi, không chung sống cùng mẹ con bà nữa. Ngày 20/5/2015, ông Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt tù “Chung thân” về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bà L xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Q.

2. Về con chung: Bà L và ông Q có hai con chung, con lớn là Đào Thùy L, sinh ngày 02/12/1994, cháu L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con. Con nhỏ là Đào Như Q, sinh ngày 22/06/2000, ly hôn bà có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Như Q và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản: bà L xác định vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, ông Đào Văn Q trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà L như sau:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, thủ tục, điều kiện đăng ký kết hôn ông Q trình bày phù hợp với lời khai của bà L. Ông Q xác định vợ chồng ông đã nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2010, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà L nghi ngờ ông ngoại tình, nên từ năm 2010 ông đã bỏ nhà đi và sống ly thân với bà L. Hiện tại, ông Q đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình do ông bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay, bà L xin ly hôn ông, ông hoàn toàn đồng ý.

2. Về con chung: Ông Q khai phù hợp với lời khai của bà L. Ông Q đồng ý giao con chung là Đào Như Q cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con, ông không có ý kiến gì.

3. Về quan hệ tài sản: Ông Q xác định vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án dân sự:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và có lời khai

gửi cho Tòa án nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn cũng tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131, 179, 199, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đào Văn Q, giao con chung là Đào Như Q cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn do đang thi hành án phạt tù tại trại giam nên đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, từ năm 2010 đến nay, cuộc sống hôn nhân của ông bà không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin ly hôn ông Q là có căn cứ, đồng thời ông Q cũng đồng ý ly hôn với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

* Về con chung: Bà L và ông Q xác định có hai con chung là Đào Thùy L, sinh ngày 02/12/1994 và Đào Như Q, sinh ngày 22/06/2000. Con Đào Thùy L đã thành niên nên bà L và ông Q không đặt ra giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Đào Như Q, cả hai bên đều thống nhất giao con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu về việc nuôi con của bà L và ông Q là hợp pháp nên cần chấp nhận.

* Về tài sản: bà L và ông Q đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 131, 179, 199, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

I. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đào Văn Q.

II. Về quan hệ con chung: Bà L và ông Q có hai con chung là Đào Thùy L, sinh ngày 02/12/1994 và Đào Như Q, sinh ngày 22/06/2000. Con Đào Thùy L đã thành niên nên không đặt ra giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con. Giao con chung Đào Như Q cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ông Q và bà L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

III. Về quan hệ tài sản: Bà Nguyễn Thị L và ông Đào Văn Q không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

IV. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006510 ngày 19/6/2017 sang thi hành án phí.

IV. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2017). Ông Đào Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà